

Số: 32 /2018/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 11 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ công nhận,  
công khai xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế quy định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ Y tế quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố; Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;*

Căn cứ Quyết định số 3912/2016/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh tại Tờ trình số 303/TTr-VPĐP ngày 24/10/2018 về việc ban hành quy định tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ công nhận, công khai xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ công nhận, công khai xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

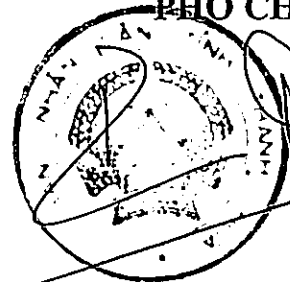
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 4627/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ công nhận, công khai xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương; Chánh Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Ban Chỉ đạo liên ngành TW về ATTP (để b/c);
- Các Bộ: Y tế, Công Thương, NN & PTNT (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- T.Trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo TH, Đài PT-TH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

## QUY ĐỊNH

**Tiêu chí, trình tự thủ tục, hồ sơ công nhận, công khai xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2018/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

###### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự thủ tục, thẩm quyền công nhận, công khai xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) an toàn thực phẩm.

###### 2. Đối tượng áp dụng

- a) Các xã trên địa bàn tỉnh thực hiện xây dựng xã an toàn thực phẩm.
- b) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình công nhận, công khai xã an toàn thực phẩm.

##### Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc công nhận xã an toàn thực phẩm được thực hiện 02 đợt/năm; đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ và đúng trình tự thủ tục quy định.
2. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

### Chương II

#### TIÊU CHÍ XÃ AN TOÀN THỰC PHẨM

##### Điều 3. Tiêu chí xã an toàn thực phẩm

Gồm 4 tiêu chí như sau:

1. Chỉ đạo, điều hành.
2. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn.
3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định.
4. Kiểm tra, xử lý vi phạm.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

### Chương III

## ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ THỦ TỤC, HỒ SƠ CÔNG NHẬN, CÔNG KHAI XÃ AN TOÀN THỰC PHẨM

### Điều 4. Điều kiện công nhận

1. Có đăng ký xã an toàn thực phẩm và được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) xác nhận và đưa vào kế hoạch xây dựng xã an toàn thực phẩm trong năm.

2. Có 100% tiêu chí được đánh giá “Đạt”.

### Điều 5. Thẩm quyền công nhận

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận xã an toàn thực phẩm.

### Điều 6. Đăng ký xã an toàn thực phẩm

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) gửi văn bản đăng ký xã an toàn thực phẩm (*Mẫu số 01 kèm theo Quy định này*) về UBND cấp huyện trước ngày 31/12 của năm liền kề trước năm đánh giá để UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch xây dựng xã an toàn thực phẩm trong năm đánh giá.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày 31/12 của năm liền kề trước năm đánh giá, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch xây dựng xã an toàn thực phẩm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

### Điều 7. Hồ sơ đề nghị công nhận

1. Hồ sơ của UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện thẩm tra, gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của UBND cấp xã đề nghị thẩm tra xã an toàn thực phẩm (*Mẫu số 02 kèm theo Quy định này*).

- Báo cáo kết quả tự đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm kèm theo Biểu tổng hợp kết quả tự đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của UBND cấp xã (*Mẫu số 03 kèm theo Quy định này*).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

2. Hồ sơ UBND cấp huyện đề nghị UBND tỉnh thẩm định, gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định xã an toàn thực phẩm (*Mẫu số 04 kèm theo Quy định này*).

- Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm kèm theo Biểu tổng hợp kết quả thẩm tra các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của Tổ thẩm tra (*Mẫu số 05 kèm theo Quy định này*).

- Kèm theo 01 bộ hồ sơ của UBND cấp xã được quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3. Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận, gồm:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh (sau đây gọi tắt là Văn phòng điều phối tỉnh) đề nghị công nhận xã an toàn thực phẩm (Mẫu số 06 kèm theo Quy định này).

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm kèm theo Biểu tổng hợp kết quả thẩm định các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của tổ thẩm định (Mẫu số 07 kèm theo Quy định này).

- Kèm theo 01 bộ hồ sơ của UBND cấp huyện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

### **Điều 8. Trình tự thủ tục công nhận xã an toàn thực phẩm**

1. UBND cấp xã tổ chức tự đánh giá, hoàn thiện hồ sơ:

- UBND cấp xã thành lập Tổ tự đánh giá xã an toàn thực phẩm (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm xã, Tổ trưởng Tổ giám sát cộng đồng thôn, bản, phố) để đánh giá cụ thể mức độ đạt đối với từng tiêu chí; Tổ tự đánh giá báo cáo kết quả tự đánh giá việc thực hiện tiêu chí xã an toàn thực phẩm với UBND cấp xã bằng văn bản.

- UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ theo Điểm a, Khoản 1, Điều 7 Quy định này gửi về UBND cấp huyện trước ngày 05 hàng tháng đề nghị thẩm tra xã an toàn thực phẩm.

- Hồ sơ có thể nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

2. UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra:

a) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Văn phòng điều phối huyện).

b) Tổ chức thẩm tra:

- Văn phòng điều phối huyện tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thành lập Tổ thẩm tra xã an toàn thực phẩm (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm huyện, thị xã, thành phố, Văn phòng điều phối huyện và đại diện lãnh đạo phòng, ban, đơn vị cấp huyện có liên quan).

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của UBND cấp xã, Tổ thẩm tra tiến hành thẩm tra, đánh giá cụ thể mức độ đạt đối với từng tiêu chí xã an toàn thực phẩm của từng xã; báo cáo Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và trả lời bằng văn bản kết quả thẩm tra cho UBND cấp xã.

c) Hoàn thiện hồ sơ:

- UBND cấp huyện hoàn thiện hồ sơ theo Điểm a, Khoản 2, Điều 7 Quy định này gửi về Văn phòng điều phối tỉnh trước ngày 25 hàng tháng đề nghị thẩm định xã an toàn thực phẩm.

- Hồ sơ có thể nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

- Đối với các xã chưa được đề nghị thẩm định, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và hướng dẫn xã hoàn thiện hồ sơ, tiêu chí cụ thể để được đề nghị thẩm định trong các lần tiếp theo.

### 3. UBND tỉnh tổ chức thẩm định, công nhận:

a) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng điều phối tỉnh.

b) Tổ chức thẩm định:

- Văn phòng điều phối tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định xã an toàn thực phẩm (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng điều phối tỉnh, đại diện các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương và cán bộ của các đơn vị có liên quan).

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định của UBND cấp huyện, Tổ thẩm định thực hiện thẩm định hồ sơ và đánh giá mức độ đạt đối với từng tiêu chí xã an toàn thực phẩm của từng xã; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định; đồng thời trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện, UBND cấp xã về kết quả thẩm định; nêu rõ lý do đối với xã chưa được đề nghị công nhận và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ, tiêu chí cụ thể để được đề nghị công nhận trong các lần tiếp theo.

c) Hoàn thiện hồ sơ:

Căn cứ kết quả thẩm định “Đạt” của Tổ thẩm định, Văn phòng điều phối tỉnh hoàn thiện hồ sơ theo Điểm a, Khoản 3, Điều 7 Quy định này để đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã an toàn thực phẩm.

d) Công nhận xã an toàn thực phẩm:

- Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận xã an toàn thực phẩm trong 02 đợt (đợt 1: Trước ngày 30/5, đợt 2: Trước ngày 30/11 hàng năm). Bằng Công nhận xã an toàn thực phẩm theo *Mẫu số 08 kèm theo quy định này*. Quyết định công nhận, Bằng Công nhận xã an toàn thực phẩm được gửi cho UBND cấp xã được công nhận.

## **Điều 9. Thu hồi Bằng Công nhận xã an toàn thực phẩm**

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thu hồi Bằng Công nhận xã an toàn thực phẩm trong trường hợp xã không duy trì các tiêu chí an toàn thực phẩm.

## **Điều 10. Công khai kết quả công nhận xã an toàn thực phẩm**

1. UBND tỉnh công khai các xã an toàn thực phẩm trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố công khai quyết định công nhận xã an toàn thực phẩm của Chủ tịch UBND tỉnh tại hội nghị sơ kết, tổng kết năm của huyện, trên Cổng thông tin điện tử cấp huyện và các phương tiện thông tin của địa phương.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Trách nhiệm thực hiện**

##### **1. Văn phòng điều phối tỉnh**

a) Chủ trì tiếp nhận hồ sơ, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định xã an toàn thực phẩm; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận xã an toàn thực phẩm đối với các xã đủ điều kiện theo Điều 4 Quy định này.

b) Tổng hợp kết quả công nhận xã an toàn thực phẩm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Hàng năm, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá việc duy trì các tiêu chí xã an toàn thực phẩm; tham mưu thu hồi Bằng Công nhận xã an toàn thực phẩm đối với xã không duy trì tiêu chí xã an toàn thực phẩm theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định này trên phạm vi toàn tỉnh; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh để kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung.

##### **2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng điều phối tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong việc thực hiện tiêu chí xã an toàn thực phẩm.

b) Lồng ghép các chương trình, dự án để ưu tiên hỗ trợ các xã có đăng ký xây dựng xã an toàn thực phẩm.

##### **3. UBND cấp huyện**

Lập kế hoạch xây dựng xã an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

##### **4. UBND cấp xã**

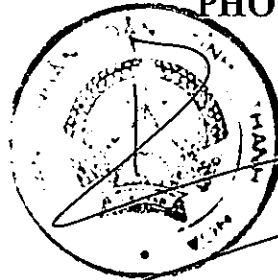
Căn cứ Quy định này và các văn bản hướng dẫn, triển khai, có trách nhiệm thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm; đăng ký xã an toàn thực phẩm và duy trì thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm sau khi được công nhận.

## **Điều 12. Điều khoản tham chiếu**

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

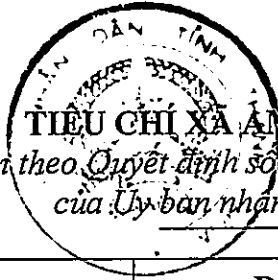
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Đăng Quyền**



Phụ lục



**TIÊU CHÍ XÃ AN TOÀN THỰC PHẨM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND ngày 12 / 11 /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
I.	<b>CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>	Có 03/03 nội dung được đánh giá “Đạt”	Dưới 03 nội dung được đánh giá “Đạt”	Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh).
1	Tổ chức bộ máy.	Có 03/03 nội dung được đánh giá “Đạt”	Dưới 03 nội dung được đánh giá “Đạt”	
1.1	Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo xã).	Có quyết định	Không có quyết định	
1.2	Thành lập/kiện toàn Ban Nông nghiệp hoặc giao đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm (đối với xã không thành lập Ban Nông nghiệp).	Có quyết định	Không có quyết định	
1.3	Thành lập/kiện toàn Tổ giám sát cộng đồng thôn, bản, phố (sau đây gọi tắt là Tổ giám sát).	Có quyết định	Không có quyết định	
2	Thế chế, kế hoạch.	Có 04/04 nội dung được đánh giá “Đạt”	Dưới 04 nội dung được đánh giá “Đạt”	
2.1	Ban hành quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo xã, Ban Nông nghiệp xã hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát.	Có đủ quy chế, kế hoạch hoạt động của 03 tổ chức	Không có đủ quy chế, kế hoạch hoạt động của 03 tổ chức	
2.2	Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về an toàn thực phẩm trong nghị quyết hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	Có xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu	Không xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu	
2.3	Ủy quyền cho Tổ giám sát cấp giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ đối với sản phẩm thực phẩm.	Có văn bản ủy quyền	Không có văn bản ủy quyền	

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
2.4	Ban hành quy chế hoặc chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể.	Có quy chế hoặc chương trình	Không có quy chế hoặc chương trình	
3	Kết quả hoạt động.	Có 02/02 nội dung được đánh giá "Đạt"	Dưới 02 nội dung được đánh giá "Đạt"	
3.1	Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, Ban Nông nghiệp hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được cấp trên giao về an toàn thực phẩm.	Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ	Không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ	
3.2	Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, Ban Nông nghiệp hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát có giải pháp thực hiện hiệu quả về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.	Có giải pháp thực hiện hiệu quả	Không có giải pháp thực hiện hiệu quả	
II.	<b>THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN</b>	<b>Có 03/03 nội dung được đánh giá "Đạt"</b>	<b>Dưới 03 nội dung được đánh giá "Đạt"</b>	
4	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm trên hệ thống đài truyền thanh hoặc các hình thức tuyên truyền khác.	Có	Không	Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.
5	Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm cho cán bộ quản lý, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.	Có	Không	Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.
6	Thực hiện công khai vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; khen thưởng, biểu dương các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (nếu có).	Có thực hiện	Không thực hiện	Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật thi đua khen thưởng.

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
III.	<b>CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH</b>	<b>Có 08/08 nội dung được đánh giá “Đạt”</b>	<b>Dưới 08 nội dung được đánh giá “Đạt”</b>	
7	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.	100%	<100%	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; Thông tư số 45/2014/TT-BNN&PTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương; Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ Y tế; Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế.
8	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tuân thủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.	≥ 80%	<80%	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế; Thông tư số 51/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ Y tế; Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ Y tế; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BCT ngày 09/02/2018 của Bộ Công Thương.
9	Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	100%	<100%	
10	Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ tuân thủ các yêu cầu về điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm theo quy định.	100%	<100%	Luật Thú y, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 06/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
11	Tỷ lệ sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở giết mổ được đóng dấu kiểm soát giết mổ, dán tem vệ sinh thú y hoặc đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.	100%	<100%	

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
12	Tỷ lệ sản phẩm thực phẩm lưu thông trên thị trường có nguồn gốc xuất xứ.	≥ 90%	<90%	Luật An toàn thực phẩm; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Quyết định số 3912/2016/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017 về Chợ kinh doanh thực phẩm.
13	Tỷ lệ bếp ăn tập thể được công nhận bếp ăn tập thể bảo đảm an toàn thực phẩm.	100%	<100%	Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh.
14	Chợ kinh doanh thực phẩm được cơ quan có thẩm quyền thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn (đối với xã có chợ trong quy hoạch) hoặc cửa hàng kinh doanh thực phẩm (đối với xã không có chợ) đảm bảo điều kiện về an toàn thực phẩm.	Chợ được cơ quan có thẩm quyền thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn hoặc cửa hàng đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm	Chợ không được cơ quan có thẩm quyền thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn hoặc cửa hàng không đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017 về Chợ kinh doanh thực phẩm; Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BKHCN ngày 28/8/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BCT ngày 09/02/2018 của Bộ Công Thương.
IV.	<b>KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM</b>	<b>Có 02/02 nội dung được đánh giá "Đạt"</b>	<b>Dưới 02 nội dung được đánh giá "Đạt"</b>	
15	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định.	≥ 50% cơ sở theo phân cấp quản lý được kiểm tra trong năm	<50% cơ sở theo phân cấp quản lý được kiểm tra trong năm	Thông tư số 51/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 30/2012/TT-BYT ngày 05/12/2012 của Bộ Y tế; Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ Y tế.
16	Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm theo quy định (nếu có).	Có vi phạm được xử lý	Có vi phạm nhưng không xử lý	Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.

Mẫu số 01:

**ĐĂNG KÝ XÃ AN TOÀN THỰC PHẨM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2018/QĐ-UBND ngày 12 /11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-...  
V/v đăng ký thực hiện “Xã an  
toàn thực phẩm” năm...

...,ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: UBND huyện/thị xã/thành phố ...

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của cấp trên);

Trên cơ sở nội dung các tiêu chí xã an toàn thực phẩm được quy định tại Quyết định số .../.../2018/QĐ-UBND ngày.../.../2018 của UBND tỉnh) và khả năng thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm trên địa bàn xã/phường/thị trấn..., Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn... đăng ký và cam kết hoàn thành các tiêu chí xã an toàn thực phẩm theo quy định để được công nhận “Xã an toàn thực phẩm” trong năm...

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố... xem xét, đưa vào kế hoạch xây dựng xã an toàn thực phẩm trong năm.../.

*Nơi nhận:*  
- Như trên;  
- Lưu VT,...

**TM. UBND...**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02:

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị thẩm tra xã an toàn thực phẩm**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2018/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /TTr-UBND

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm tra xã an toàn thực phẩm**

Kính gửi: UBND huyện/thị xã/thành phố...

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của huyện);

Căn cứ kế hoạch xây dựng xã an toàn thực phẩm của UBND huyện/thị xã/thành phố... và kết quả thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của xã/phường/thị trấn...;

UBND xã/phường/thị trấn... kính đề nghị UBND huyện/thị xã/thành phố... thẩm tra xã an toàn thực phẩm.

Kèm theo Tờ trình là Báo cáo kết quả tự đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm và Biểu tổng hợp kết quả tự đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của UBND xã/phường/thị trấn... (bản chính).

Kính đề nghị UBND huyện/thị xã/thành phố... xem xét, thẩm tra./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND...**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03:

## BÁO CÁO

**Kết quả tự đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2018/QĐ-UBND ngày 12 /11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

..., ngày ..... tháng .... năm 20...

## BÁO CÁO

**Kết quả tự đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm  
của xã/phường/thị trấn...**

**I. Khái quát quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện**

**II. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội,... của địa phương
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

**III. Kết quả thực hiện các tiêu chí**

**1. Tiêu chí 1:**

- Yêu cầu của tiêu chí:...
- Các nội dung đã thực hiện:...
- Tự đánh giá tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với quy định).

...

**4. Tiêu chí:**

- Yêu cầu của tiêu chí:...
- Các nội dung đã thực hiện:...
- Tự đánh giá tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với quy định).

*Kết luận: ...*

*(Kèm theo Biểu tổng hợp kết quả tự đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã ATTP).*

**IV. Đánh giá chung**

1. Những kết quả đạt được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

**V. Đề xuất, kiến nghị**

*Nơi nhận:*

**TM. UBND...  
CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

## BIỂU TỔNG HỢP

Kết quả tự đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của xã/phường/thị trấn...

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của...)

TT	Nội dung tiêu chí	Kết quả tự đánh giá	
		Đạt	Không đạt
<b>I.</b>	<b>CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>		
1	Tổ chức bộ máy.		
1.1	Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo xã).		
1.2	Thành lập/kiện toàn Ban Nông nghiệp hoặc giao đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm (đối với xã không thành lập Ban Nông nghiệp).		
1.3	Thành lập/kiện toàn Tổ giám sát cộng đồng thôn, bản, phố (sau đây gọi tắt là Tổ giám sát).		
2	Thể chế, kế hoạch.		
2.1	Ban hành quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo xã, Ban Nông nghiệp xã hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát.		
2.2	Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về an toàn thực phẩm trong nghị quyết hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.		
2.3	Ủy quyền cho Tổ giám sát cấp giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ đối với sản phẩm thực phẩm.		
2.4	Ban hành quy chế hoặc chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể.		
3	Kết quả hoạt động.		
3.1	Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, Ban Nông nghiệp hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được cấp trên giao về an toàn thực phẩm.		
3.2	Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, Ban Nông nghiệp hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát có giải pháp thực hiện hiệu quả về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.		
<b>II.</b>	<b>THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN</b>		
4	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm trên hệ thống đài truyền thanh hoặc các hình thức tuyên truyền khác.		
5	Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm cho cán bộ quản lý, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.		



TT	Nội dung tiêu chí	Kết quả tự đánh giá	
		Đạt	Không đạt
6	Thực hiện công khai vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; khen thưởng, biểu dương các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (nếu có).		
III.	<b>CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH</b>		
7	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.		
8	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tuân thủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.		
9	Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.		
10	Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ tuân thủ các yêu cầu về điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm theo quy định.		
11	Tỷ lệ sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở giết mổ được đóng dấu kiểm soát giết mổ, dán tem vệ sinh thú y hoặc đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.		
12	Tỷ lệ sản phẩm thực phẩm lưu thông trên thị trường có nguồn gốc xuất xứ.		
13	Tỷ lệ bếp ăn tập thể được công nhận bếp ăn tập thể bảo đảm an toàn thực phẩm.		
14	Chợ kinh doanh thực phẩm được cơ quan có thẩm quyền thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn (đối với xã có chợ trong quy hoạch) hoặc cửa hàng kinh doanh thực phẩm (đối với xã không có chợ) đảm bảo điều kiện về an toàn thực phẩm.		
IV.	<b>KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM</b>		
15	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định.		
16	Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm theo quy định (nếu có).		
<b>Tổng</b>			

Mẫu số 04:

## TỜ TRÌNH

### Đề nghị thẩm định xã an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2018/QĐ-UBND ngày 12 /11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TTr-UBND

..., ngày ... tháng ... năm 20...

## TỜ TRÌNH

### Về việc đề nghị thẩm định xã/phường/thị trấn... an toàn thực phẩm

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

UBND huyện/thị xã, thành phố... kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức thẩm định xã/phường/thị trấn... an toàn thực phẩm.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của Tổ thẩm tra kèm theo Biểu tổng hợp kết quả thẩm tra các tiêu chí xã an toàn thực phẩm (*bản chính*);

2. 01 bộ hồ sơ của UBND xã/phường/thị trấn... trình UBND huyện/thị xã, thành phố... đề nghị thẩm tra xã an toàn thực phẩm (*bản chính*).

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT, ...

TM. UBND...

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05:

## BÁO CÁO

**Thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá việc thực hiện  
các tiêu chí xã an toàn thực phẩm**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2018/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...  
TỔ THẨM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

## BÁO CÁO

**Thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá việc thực hiện các tiêu chí  
xã an toàn thực phẩm của xã/phường/thị trấn...**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã/phường/thị trấn... tại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../... về việc thẩm tra xã an toàn thực phẩm.

Căn cứ kết quả thẩm tra và đánh giá mức độ đạt của từng tiêu chí xã an toàn thực phẩm trên địa bàn xã/phường/thị trấn... của Tổ thẩm tra, UBND huyện/thị xã/thành phố... báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của xã/phường/thị trấn... cụ thể như sau:

### I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

#### 1. Về hồ sơ

#### 2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí

##### 2.1. Tiêu chí 1:

- Yêu cầu của tiêu chí:...
- Các nội dung đã thực hiện:...
- Kết quả đánh giá tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu).

...

##### 2.4. Tiêu chí:

- Yêu cầu của tiêu chí:...
- Các nội dung đã thực hiện:...
- Kết quả đánh giá tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu).

*(Kèm theo Phụ lục Biểu tổng hợp kết quả thẩm tra các tiêu chí xã ATTP).*

## **II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:...**

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm:...**

Tổng số tiêu chí xã an toàn thực phẩm đạt của xã/phường/thị trấn... đã được UBND huyện/thị xã/thành phố... thẩm tra đạt là: .../4 nhóm tiêu chí, đạt ...%.

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có).**

*Nơi nhận:*

**TỔ TRƯỞNG**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

## BIỂU TỔNG HỢP

**Kết quả thẩm tra các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của xã/phường/thị trấn...**  
(Kèm theo Báo cáo ngày / /20... của Tổ thẩm tra xã an toàn thực phẩm)

TT	Nội dung tiêu chí	Kết quả tự đánh giá		Kết quả thẩm tra	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
<b>I.</b>	<b>CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>				
1	Tổ chức bộ máy.				
1.1	Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo xã).				
1.2	Thành lập/kiện toàn Ban Nông nghiệp hoặc giao đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm (đối với xã không thành lập Ban Nông nghiệp).				
1.3	Thành lập/kiện toàn Tổ giám sát cộng đồng thôn, bản, phố (sau đây gọi tắt là Tổ giám sát).				
2	Thế chế, kế hoạch.				
2.1	Ban hành quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo xã, Ban Nông nghiệp xã hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát.				
2.2	Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về an toàn thực phẩm trong nghị quyết hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.				
2.3	Ủy quyền cho Tổ giám sát cấp giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ đối với sản phẩm thực phẩm.				
2.4	Ban hành quy chế hoặc chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể.				
3	Kết quả hoạt động.				
3.1	Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, Ban Nông nghiệp hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được cấp trên giao về an toàn thực phẩm.				
3.2	Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, Ban Nông nghiệp hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát có giải pháp thực hiện hiệu quả về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.				
<b>II.</b>	<b>THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN</b>				
4	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm trên hệ thống đài truyền thanh hoặc các hình				

	thức tuyên truyền khác.				
5	Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm cho cán bộ quản lý, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.				
6	Thực hiện công khai vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; khen thưởng, biểu dương các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (nếu có).				
<b>III.</b>	<b>CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH</b>				
7	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.				
8	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tuân thủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.				
9	Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.				
10	Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ tuân thủ các yêu cầu về điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm theo quy định.				
11	Tỷ lệ sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở giết mổ được đóng dấu kiểm soát giết mổ, dán tem vệ sinh thú y hoặc đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.				
12	Tỷ lệ sản phẩm thực phẩm lưu thông trên thị trường có nguồn gốc xuất xứ.				
13	Tỷ lệ bếp ăn tập thể được công nhận bếp ăn tập thể bảo đảm an toàn thực phẩm.				
14	Chợ kinh doanh thực phẩm được cơ quan có thẩm quyền thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn (đối với xã có chợ trong quy hoạch) hoặc cửa hàng kinh doanh thực phẩm (đối với xã không có chợ) đảm bảo điều kiện về an toàn thực phẩm.				
<b>IV.</b>	<b>KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM</b>				
15	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định.				
16	Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm theo quy định (nếu có).				
<b>Tổng số</b>					

Mẫu số 06:

## TỜ TRÌNH

### Đề nghị công nhận xã an toàn thực phẩm

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2018/QĐ-UBND ngày 12 /11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

VĂN PHÒNG  
UBND TỈNH THANH HÓA  
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI  
VỀ VỆ SINH ATTP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-VPĐP

Thanh Hóa, ngày ..... tháng ..... năm .....

## TỜ TRÌNH

### Về việc công nhận xã an toàn thực phẩm

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan);

Căn cứ Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả đánh giá việc thực hiện tiêu chí xã an toàn thực phẩm ngày .../.../20.... của Tổ thẩm định xã an toàn thực phẩm.

Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét công nhận các xã an toàn thực phẩm (có danh sách kèm theo).

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo của Tổ thẩm định về thẩm định hồ sơ và kết quả đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của mỗi xã.

2. Kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận xã an toàn thực phẩm của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận các xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm./.

Nơi nhận:

LÃNH ĐẠO VĂN PHÒNG  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07:

**BÁO CÁO**  
**Thẩm định hồ sơ và kết quả đánh giá việc thực hiện**  
**tiêu chí xã an toàn thực phẩm**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32/2018/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO**  
**Thẩm định hồ sơ và kết quả đánh giá việc thực hiện tiêu chí**  
**xã an toàn thực phẩm của ...**

Thực hiện Quyết định số .../QĐ-UBND ngày.../.../... của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Tổ thẩm định xã an toàn thực phẩm, Tổ thẩm định báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và đánh giá việc thực hiện các tiêu chí xã an toàn thực phẩm của... cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

1. Về hồ sơ:
2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí:
  - 2.1. Tiêu chí 1:
    - Đánh giá chung việc thực hiện tiêu chí:...
    - Đề nghị khắc phục những tồn tại (nếu có):...
    - Kết luận:...

...

- 2.4. Tiêu chí 4:
    - Đánh giá chung việc thực hiện tiêu chí:...
    - Đề nghị khắc phục những tồn tại (nếu có):...
    - Kết luận:...

(Kèm theo Biểu tổng hợp kết quả thẩm định các tiêu chí ATTP).

3. Đánh giá chung, những mặt đạt được, tồn tại hạn chế.

**II. KẾT LUẬN**

Tổng số tiêu chí an toàn thực phẩm của xã/phường/thị trấn... đã được thẩm định đạt là: ... /4 tiêu chí, đạt .... %.

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có).**

Nơi nhận:

**TỔ TRƯỞNG**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)



## BIỂU TỔNG HỢP

**Kết quả thẩm định các tiêu chí an toàn thực phẩm của xã/phường/thị trấn...**  
(Kèm theo Báo cáo ngày / /20... của Tổ thẩm định)

TT	Nội dung tiêu chí	Kết quả tự đánh giá		Kết quả thẩm tra		Kết quả thẩm định	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
I.	<b>CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>						
1	Tổ chức bộ máy.						
1.1	Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo xã).						
1.2	Thành lập/kiện toàn Ban Nông nghiệp hoặc giao đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm (đối với xã không thành lập Ban Nông nghiệp).						
1.3	Thành lập/kiện toàn Tổ giám sát cộng đồng thôn, bản, phố (sau đây gọi tắt là Tổ giám sát).						
2	Thể chế, kế hoạch.						
2.1	Ban hành quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo xã, Ban Nông nghiệp xã hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát.						
2.2	Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về an toàn thực phẩm trong nghị quyết hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.						
2.3	Ủy quyền cho Tổ giám sát cấp giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ đối với sản phẩm thực phẩm.						
2.4	Ban hành quy chế hoặc chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể.						
3	Kết quả hoạt động.						
3.1	Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, Ban Nông nghiệp hoặc đơn vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được cấp trên giao về an toàn thực phẩm.						
3.2	Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, Ban Nông nghiệp hoặc đơn						

	<p>vị đầu mối quản lý an toàn thực phẩm, Tổ giám sát có giải pháp thực hiện hiệu quả về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.</p>						
<b>II.</b>	<b>THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN</b>						
4	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm trên hệ thống đài truyền thanh hoặc các hình thức tuyên truyền khác.						
5	Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm cho cán bộ quản lý, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.						
6	Thực hiện công khai vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; khen thưởng, biểu dương các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (nếu có).						
<b>III.</b>	<b>CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH</b>						
7	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.						
8	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tuân thủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.						
9	Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.						
10	Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ tuân thủ các yêu cầu về điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm theo quy định.						
11	Tỷ lệ sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở giết mổ được đóng dấu kiểm soát giết mổ, dán tem vệ sinh thú y hoặc đánh dấu kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.						
12	Tỷ lệ sản phẩm thực phẩm lưu thông trên thị trường có nguồn gốc xuất xứ.						

13	Tỷ lệ bếp ăn tập thể được công nhận bếp ăn tập thể bảo đảm an toàn thực phẩm.						
14	Chợ kinh doanh thực phẩm được cơ quan có thẩm quyền thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn (đối với xã có chợ trong quy hoạch) hoặc cửa hàng kinh doanh thực phẩm (đối với xã không có chợ) đảm bảo điều kiện về an toàn thực phẩm.						
<b>IV.</b>	<b>KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM</b>						
15	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định.						
16	Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm theo quy định (nếu có).						
<b>Tổng số</b>							

Mẫu số 08:

**Mẫu Bằng Công nhận xã an toàn thực phẩm**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32/2018/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

**(Quốc huy)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**  
**CÔNG NHẬN**

**Xã/phường/thị trấn... huyện/thị xã/thành phố..., tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí an toàn thực phẩm**

Quyết định số: /QĐ-UBND ngày .../.../.....

Vào sổ số: .....

Thanh Hóa, ngày .... tháng ... năm.....

**CHỦ TỊCH**

## *Yêu cầu:*

### **1. Kích thước:**

- Chiều dài: 640 mm, chiều rộng: 480 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 625 mm, chiều rộng 355 mm.

### **2. Chất liệu và định lượng:** Giấy trắng, định lượng: 150g/m<sup>2</sup>.

**3. Hình thức:** Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **4. Nội dung:**

- Dòng 1, 2: Quốc huy, Quốc hiệu:

+ Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen).

+ Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen và ở liền phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

#### *Khoảng trống*

- Dòng 3: Thẩm quyền công nhận (chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ).

- Dòng 4: "Công nhận" (chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen).

- Dòng 5: Tên xã, huyện, tỉnh đạt tiêu chí an toàn thực phẩm (chữ thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đỏ).

#### *Khoảng trống*

- Dòng 6 (chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen):

+ Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm;

+ Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm.

- Dòng 7:

+ Bên trái: Số số vàng... (chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen).

+ Bên phải: Thẩm quyền ký (chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen).

*Khoảng trống:* Chữ ký, dấu (cân đối độ rộng cho phù hợp với kích cỡ của Bảng).

- Dòng 8: Họ và tên người ký quyết định.

- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng./.